

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dư nợ đầu kỳ (01/01/2022)	Vay trong kỳ	Trong đó		Trả nợ trong năm			Dư nợ cuối kỳ (31/12/2022)	Ghi chú
				Giải ngân khoản vay	Lãi gốc hóa trong năm	Gốc	Lãi/phí	Tổng		
a	b	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8=1+2-5	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>86.717</b>	<b>39.497</b>	<b>39.409</b>	<b>88</b>	<b>4.615</b>	<b>1.268</b>	<b>5.883</b>	<b>121.599</b>	
<b>I</b>	<b>Vay lại vốn vay nước ngoài</b>	<b>86.717</b>	<b>39.497</b>	<b>39.409</b>	<b>88</b>	<b>4.615</b>	<b>1.268</b>	<b>5.883</b>	<b>121.599</b>	
1	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	23.334	690	690		1.827	465	2.292	22.197	
2	Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả"	18.464	0	0		1.372	401	1.774	17.092	
3	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (W8)	12.061	1.955	1.955		1.186	254	1.440	12.830	
4	Dự án "Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn" - Tiểu dự án tỉnh Hà Giang	15.541	22.228	22.228		0	43	43	37.769	
5	Chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (CPRP) tỉnh Hà Giang	13.257	0	0		230	2	232	13.027	
6	Chương trình phát triển các đô thị loại II (Các đô thị xanh) - Tiểu dự án tại Hà Giang	4.059	1.034	946	88	0	0	0	5.093	Lãi trong thời gian rút vốn được gốc hóa
7	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Hà Giang		13.590	13.590		0	103	103	13.590	Áp dụng tỷ giá quy đổi theo thông báo của NH Vietcombank tại từng thời điểm giải ngân